TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày: 06 - 6 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Văn Tư.
2. Bà Phan Thị Huệ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Hòa - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06/6/2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2023/TLST-DS ngày 30/10/2023, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐST-DS ngày 24/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐST-DS ngày 16/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện C, tỉnh Lâm Đồng - có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Đức Q, sinh năm 1962 - có đơn xin vắng mặt và bà Phó Thị Bích L1, sinh năm 1967 - có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện C, tỉnh Lâm Đồng - có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Trần Thị B, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày: Ngày 21/7/2015, ông L có cho ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1 vay số tiền 300.000.000 đồng, giấy vay không thể hiện lãi suất nhưng thực tế hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 2%/ tháng, thời hạn trả nợ là ngày 21/7/2016. Từ ngày 21/7/2016, ông Q và bà L1 đã trả nhiều

lần được tổng số tiền là 160.000.000 đồng. Ngày 03/12/2017, ông Q ký giấy nhận nợ đã trả số tiền 160.000.000 đồng, hiện nay còn nợ số tiền 140.000.000 đồng, mặc dù đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông Q và bà L1 không trả.

Ông Trần Văn L khởi kiện yêu cầu ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1 phải trả số tiền gốc vay 140.000.000 đồng và lãi suất tạm tính từ ngày 03/12/2017 đến ngày 21 tháng 9/2023 là 57 tháng = 158.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn L rút yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất.

Bị đơn ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1 trình bày: Ngày 21/7/2015, vợ chồng ông Q và bà L1 có vay của ông Trần Văn L số tiền 300.000.000 đồng, giấy vay không thể hiện lãi suất nhưng thực tế hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 3%/ tháng, thời hạn trả nợ là ngày 21/7/2016. Từ ngày 21/7/2016 đến ngày 03/12/2017, ông Q và bà L1 đã trả cho ông L số tiền gốc là 200.000.000 đồng và lãi suất trên số tiền gốc vay nhưng không nhớ cụ thể tiền lãi đã trả là bao nhiêu, khi trả không làm giấy tờ gì và cũng không có người làm chứng, không có chứng cứ để chứng minh. Khoảng giữa năm 2021, ông L có lấy cấn trừ nợ của ông Q và bà L1 do bà Trần Thị B nợ số tiền 40.000.000 đồng, khi ông L lấy cấn trừ nợ từ bà B thì bà B trả bằng tiền mặt không có người làm chứng và cũng không có chứng cứ chứng minh. Hiện nay ông Q và bà L1 chỉ còn nợ ông L số tiền gốc vay là 60.000.000 đồng và lãi suất kể từ ngày 04/12/2017 đến nay chưa trả.

Ông Trần Văn L khởi kiện yêu cầu ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1 phải trả số tiền 140.000.000 đồng và lãi suất tạm tính từ ngày 03/12/2017 đến ngày 21 tháng 9/2023 là 57 tháng = 158.000.000 đồng thì ông Q và bà L1 không đồng ý mà chỉ chấp nhận trả nợ cho ông L số tiền gốc vay còn nợ là 60.000.000 đồng và đồng ý việc ông L rút phần yêu cầu lãi suất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà N là vợ của ông Trần Văn L và thống nhất theo quan điểm của ông L, không có ý kiến, yêu cầu gì thêm. Bà N yêu cầu ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1 phải trả số tiền 140.000.000 đồng và đồng ý rút yêu cầu về lãi suất.

Người làm chứng bà Trần Thị B trình bày: Năm 2017, bà B1 có nợ ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1 (ông Q là cháu của bà B) số tiền 20.000.000 đồng, do ông Q và bà L1 có nợ tiền của ông Trần Văn L nên các bên có thỏa thuận cấn trừ nợ cho nhau, bà B trả nợ số tiền 20.000.000 đồng của ông Q và bà L1 sang cho ông L, sau đó giữa ông L và ông Q có viết giấy trả nợ cho nhau. Ngoài ra bà B không biết gì thêm.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn L yêu cầu ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1 phải trả số tiền 140.000.000 đồng và rút phần yêu cầu về lãi suất.

Tại phiên toà, bị đơn bà Phó Thị Bích L1 đồng ý trả nợ cho ông Trần Văn L số tiền 140.000.000 đồng và đồng ý việc ông L rút phần yêu cầu lãi suất.

Tại phiên toà, Toà án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần Đức Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, người làm chứng bà Trần Thị B tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Ông Q, bà N và bà B đã có lời khai đầy đủ trong quá trình giải quyết vụ án được lưu trong hồ sơ vụ án, việc vắng

mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lýđến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L, buộc ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1 phải trả số tiền 140.000.000 đồng. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Trần Văn L yêu cầu ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1 phải trả số tiền 140.000.000 đồng và lãi suất, đây là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Q và bà L1 có địa chỉ tại thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Đức Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, người làm chứng bà Trần Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 21/7/2015, ông L có cho ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1 vay số tiền 300.000.000 đồng, giấy vay không thể hiện lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 21/7/2016. Ngày 03/12/2017, ông Q ký giấy nhận nợ đã trả số tiền 160.000.000 đồng, hiện nay còn nợ số tiền 140.000.000 đồng, mặc dù đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông Q và bà L1 không trả. Ông L khởi kiện yêu cầu ông Q và bà L1 phải trả số tiền 140.000.000 đồng và lãi suất tạm tính từ ngày 03/12/2017 đến ngày 21 tháng 9/2023 là 57 tháng = 158.000.000 đồng. Qúa trình giải quyết vụ án, ông L xin rút phần yêu cầu lãi suất.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Phó Thị Bích L1 xác định ngày 21/7/2015, ông Trần Đức Q và bà L1 có vay của ông Trần Văn L số tiền 300.000.000 đồng, giấy vay không thể hiện lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 21/7/2016. Ngày 03/12/2017, ông Q ký giấy nhận nợ đã trả số tiền 160.000.000 đồng, hiện nay còn nợ số tiền 140.000.000 đồng là đúng và đồng ý trả số tiền này. Ông L rút phần yêu cầu lãi suất thì bà L1 đồng ý.

Do đó, có thể khẳng định đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và đã phát sinh hiệu lực. Đến hạn trả nợ vay nhưng ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã ký kết ngày 21/7/2015 được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn L nên ông L có quyền khởi kiện yêu cầu ông Q và bà L1 phải trả nợ số tiền vay 140.000.000 đồng.

Điều 463 Bộ luật Dân sự quy định:

"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".

Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trương hợp có thoả thuận khác".

...

Do đó cần buộc ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1 phải trả cho ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị N số tiền 140.000.000 đồng là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần Văn L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn rút yêu này là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4].Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5].Từ những phân tích, nhận định trên đây Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L đối với bị đơn ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1. Buộc ông Q và bà L1 phải trả cho ông L và bà Nguyễn Thị N số tiền là 140.000.000 đồng và đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất.

[6].Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1 phải chịu tiền án phí trên số tiền 140.000.000 đồng x 5% = 7.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Trần Văn L số tiền 3.950.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8].Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L đối với bị đơn ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1.

Buộc ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1 phải trả cho ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị N số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L đối với bị đơn ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1 về lãi suất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Trần Đức Q và bà Phó Thị Bích L1 phải nộp số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Văn L số tiền 3.950.000đ (ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000936 ngày 24/10/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Quy